

Số hiệu gói thầu: DV-87+98+104+117/26-PXD-HMH

**Tên gói thầu: “Sửa chữa nhỏ các nhà xưởng XN Khoan + Thay thế các tấm hồ
cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL + Sửa chữa tòa nhà Xí nghiệp Dịch vụ & Xí
Ng nghiệp Xây lắp + Sửa chữa nhỏ một số hạng mục của Xí nghiệp Địa vật lý” -
DV-87+98+104+117/26-PXD-HMH**

PHỤ LỤC 02

Hạng mục 02:

“Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL”

- **Quyết định về việc phê duyệt BCKTKT hạng mục công trình số 1637/QĐSX-XDCB ngày 05/11/2025.**
- ❖ Yêu cầu kỹ thuật, Thuyết minh kỹ thuật (Chi dẫn kỹ thuật) và Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công:
 - + Yêu cầu kỹ thuật.
 - + Thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật theo BCKTKT.
 - + Danh mục bản vẽ + các bản vẽ.
- ❖ Bảng khối lượng công việc.
- ❖ Bảng Danh mục vật tư chính.
- ❖ Bảng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật.



DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật –
TTCNTT&LL/Замена перекрытий кабельных лотков - ЦИТиС

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. DỊCH VỤ						
1	998.003.00001	Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL/Замена перекрытий кабельных лотков - ЦИТиС		Lot	1,00	

(*) : New items

Phê duyệt
Phó Tổng giám đốc XDCB

YÊU CẦU KỸ THUẬT
ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ

Gói thầu: “Thay thế các tấm hố cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL”

Paket: «Замена перекрытий кабельных лотков - ЦИТиС»

I. Giới thiệu về gói thầu:

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

Gói thầu “Thay thế các tấm hố cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL” bao gồm các công việc chính như sau:

- Thay thế toàn bộ các tấm đan nắp hố ga bị hư hỏng (kích thước 1,2 x 0,5m, dày 8cm) bằng tấm đan mới bằng bê tông cốt thép, được gia cường bằng viền thép hình V80x8mm để tăng khả năng chịu lực và đảm bảo độ bền sử dụng lâu dài.

Заменить все повреждённые перекрытия дренажных колодцев (размером 1,2 × 0,5 м, толщиной 8 см) на новые железобетонные плиты перекрытий, усиленные по периметру стальным уголком V80×8 мм для повышения несущей способности и обеспечения долговечности в эксплуатации.

- Khối lượng /Объёмы работ:

STT Поз.	Loại hố ga Тип дренажного колодца	Số lượng Кол.	Số tấm đan KT (1.2x0.5x0.08) m Количество плит перекрытия размером (1,2×0,5×0,08) м	Ghi chú Примечание
1	Hố ga KT 2.2x1.4 m Дренажный колодец размером 2,2×1,4 м	01	04	Khu vực ngoài cổng vào Территория перед входными воротами
2	Hố ga KT 1.4x1.2 m Дренажный колодец размером 1,4×1,2 м	08	16	Khu vực nhà văn phòng 3 tầng Территория возле трёхэтажного административного здания

3	Hố ga KT 1.4x0.7 m <i>Дренажный колодец размером 1,4×0,7 м</i>	01	01	Khu vực nhà xưởng số 32 <i>Территория у производственного корпуса № 32</i>
	Tổng cộng: Итого:	10	21	

- Thời hạn hoàn thành: Dự kiến trong tháng 09 năm 2026.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo thiết kế bản vẽ thi công và bảng khối lượng mời thầu trong thời gian **10 ngày làm việc** kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng thi công. Nhà thầu phải lập bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc trong hồ sơ mời thầu.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/ chỉ dẫn kỹ thuật:

1. Yêu cầu về biện pháp thi công, giải pháp kỹ thuật:

Nhà thầu phải mô tả đầy đủ các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng (trình tự; thành phần; tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu) cho tất cả các công tác trong phạm vi công việc trong hồ sơ mời thầu; Thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho từng biện pháp; Có các bản vẽ thể hiện biện pháp tổ chức thi công.

2. Yêu cầu về bảng tiến độ chi tiết:

Nhà thầu phải lập bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc trong hồ sơ thiết kế mang tính hợp lý và khả thi, phù hợp với tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị; biểu đồ nhân lực và biểu đồ điều động thiết bị thi công.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị lắp đặt cho hạng mục công trình:

Các vật tư chính và thiết bị cho công trình phải đáp ứng yêu cầu theo “*Bảng danh mục vật tư chính*” đính kèm theo HSMT.

Nhà thầu chào thầu vật tư, thiết bị phải kê khai đầy đủ, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, nước sản xuất, ký mã hiệu của vật tư, vật liệu các thông số kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thiết kế. Có bảng tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị.

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu phải đảm bảo: Chính hãng, mới 100%, sản xuất sau năm 2025, có đầy đủ chứng chỉ CO, CQ (bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu).

4. Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu:

Có danh sách đầy đủ thiết bị thuộc sở hữu nhà thầu hoặc đi thuê phù hợp với công suất và tiến độ thi công. Có kế hoạch điều động các thiết bị thi công chi tiết theo danh sách thiết bị do nhà thầu cung cấp.

5. Yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:

Nhà thầu phải có các biện pháp về đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ phù hợp với quy mô của công trình. Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ Quy chế số VSP-000-ATMT-448, Rev.6 đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 16/06/2025, ngày hiệu lực 20/06/2025, về quản lý an toàn-sức khỏe-môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (kèm theo HSMT).

6. Tổ chức hiện trường, danh sách cán bộ chủ chốt, công nhân:

Nhà thầu phải trình bày sơ đồ tổ chức hiện trường, đưa ra được danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch kỹ thuật và các thông tin đáp ứng các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, danh sách công nhân phục vụ thi công công trình, có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công.

- Cán bộ chủ chốt tại công trình: Tối thiểu 01 kỹ sư xây dựng có kinh nghiệm trên 03 năm trong lĩnh vực xây dựng hoàn thiện công trình, có trình độ đại học trở lên, chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, có chứng chỉ hành nghề phù hợp.
- Công nhân phục vụ thi công công trình: Có chứng chỉ nghề đáp ứng công việc trong HSMT, có kinh nghiệm trên 03 năm trong lĩnh vực xây dựng.

Có thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường, trong đó nêu rõ: chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức.

7. Yêu cầu về bảo đảm chất lượng thi công công trình:

Nhà thầu phải trình bày quy trình/ biện pháp bảo đảm chất lượng thi công công trình:

- Sơ đồ quản lý chất lượng cho gói thầu;
- Quy trình/ biện pháp quản lý chất lượng vật tư, thiết bị bao gồm cả giải pháp xử lý vật tư thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu HSMT, giải pháp bảo quản vật tư thiết bị;
- Quy trình/ biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công (trình tự, thành phần, các tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu...).
- Có cam kết bảo hành hạng mục công trình không dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.

IV. Trách nhiệm của Nhà thầu:

- Đảm bảo rằng tất cả các công việc do Nhà thầu và Nhà thầu phụ (nếu có) thực hiện theo Hợp đồng phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.
- Thực hiện thi công xây dựng theo đúng phạm vi công việc và tuân thủ các quy định hiện hành về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.
- Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm thi công xây dựng của mình. Nhà thầu sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của CĐT.
- Huy động tối đa nguồn lực nhân sự, vật tư thiết bị để hoàn thành phạm vi công việc đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ của dự án, huy động đúng các nhân sự có trình độ, năng lực kinh nghiệm đã được Chủ đầu tư chấp thuận.
- Bố trí các nhân sự có liên quan tham gia các buổi họp do Chủ đầu tư tổ chức để giải trình, thuyết trình các nội dung có liên quan đến phạm vi công việc của Nhà thầu.
- Phải cam kết khi có yêu cầu của CĐT, Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của CĐT (kể cả ngày nghỉ) cho tới khi Chủ đầu tư hoàn thành xong công tác kiểm toán hợp đồng giữa Hai bên.
- Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của CĐT, trong trường hợp các hướng dẫn hoặc yêu cầu của CĐT trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được thì Nhà thầu phải thông báo cho CĐT được biết để xử lý.
- Tất cả sản phẩm thi công xây dựng cuối cùng khi bàn giao cho CĐT phải phù hợp với hồ sơ TK-BVTC, Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được CĐT nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của CĐT.

- Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công tác thi công xây dựng, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của CĐT khi chưa được CĐT đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước CĐT về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với CĐT.
- Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với Nhà thầu phụ (nếu có) với đầy đủ Phụ lục công việc giao cho Nhà thầu phụ theo đúng qui định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm trước CĐT về tiến độ, chất lượng các công việc do Nhà thầu phụ thực hiện.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình và Nhà thầu phụ của mình gây ra.
- Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng.
- Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện công việc thi công xây dựng được quy định trong Hợp đồng.
- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu để hoàn thành công việc thi công xây dựng theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng, Nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm.
- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của CĐT trong khoảng thời gian 03 ngày làm việc, nếu trong khoảng thời gian này Nhà thầu không có ý kiến thì coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của CĐT.
- Thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình: Thời gian bảo hành là 12 tháng tính từ thời điểm bàn giao công trình cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành mọi sự cố, hư hỏng liên quan đến cấu kiện, thiết bị công trình do Nhà thầu thực hiện, bằng chi phí của mình Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa trong vòng 10 ngày làm việc tính từ thời điểm nhận được thông báo từ Chủ đầu tư.

VII. Trách nhiệm của bên mời thầu:

- Tạo tạo mọi điều kiện để Nhà thầu hoàn thành công tác thi công xây dựng, bố trí nhân sự để giám sát, kiểm tra toàn bộ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt của Nhà thầu cũng như cử các cán bộ phối hợp, hỗ trợ Nhà thầu.
- Cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan đến phạm vi công việc của Nhà thầu phục vụ công tác thi công xây dựng, lắp đặt.
- Bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu thi công xây dựng phù hợp với tiến độ thi công xây dựng công trình và quy định của hợp đồng xây dựng.
- Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của Nhà thầu so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng.
- Kiểm tra, chấp thuận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do Nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt. Điều chỉnh tiến độ thi công xây dựng khi cần thiết theo quy định của hợp đồng xây dựng.
- Xem xét yêu cầu, đề xuất của Nhà thầu liên quan đến thi công xây dựng, lắp đặt và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện công việc của Nhà thầu.
- Kiểm tra, xác nhận khối lượng đã được nghiệm thu theo quy định và khối lượng phát sinh theo quy định của hợp đồng xây dựng (nếu có).

- Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định.
- Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với các công việc khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động.
- Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng, điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định.
- Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, lập báo cáo gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.
- Thanh toán cho Nhà thầu theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng.
- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu trong khoản thời gian sớm nhất. Cử những cán bộ có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để phối hợp làm việc với Nhà thầu.
- Tạo điều kiện để Nhà thầu thực hiện công tác khảo sát hiện trạng công trình trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu và trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Đính kèm:

- Bảng danh mục vật tư chính;
- Bảng khối lượng mời thầu;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.



CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO



BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TECHNOLOGY ECONOMIC REPORT

CÔNG TRÌNH

Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL

Наименование объекта

Замена перекрытий кабельных лотков

ĐỊA ĐIỂM / ADDRESS

Số 67 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. HCM
No.67 street 30/4, Rach Dura Ward, Ho Chi Minh City

ĐƠN VỊ LẬP DỰ TOÁN / SETTING UNIT

CTY CP TƯ VẤN KIẾN TRÚC XD ACTECH



Tháng 10/2025



BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TECHNOLOGY ECONOMIC REPORT

CÔNG TRÌNH

Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL

Наименование объекта

Замена перекрытий кабельных лотков

Chủ đầu tư: Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro

Tổng mức đầu tư : 45.477.167 (VNĐ)

Đơn vị lập BCKTKT: Công ty Cổ phần Tư vấn KTXD ACTECH

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 876 / BCĐ-XDCB

ngày 28 tháng 10 năm 20 25

Ký tên: Lê Chi Chanh Lâm

Đơn vị lập / setting unit
Cty CP Tư vấn Kiến trúc XD Actech



LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 1637 / QĐSX-XDCB

ngày 5 tháng 11 năm 20 25

Ký tên: Lê Chi Chanh Lâm

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Hưng

Tháng 10/2025

MỤC LỤC / CATEGORY

	<i>Trang / paper</i>
I. Tên hạng mục / <i>Name category</i>	2
II. Địa điểm xây dựng / <i>Building address</i>	2
III. Cơ sở pháp lý lập BCKTKT/ <i>Legal basis</i>	2
IV. Chủ đầu tư/ <i>Investor</i>	3
V. Đơn vị sử dụng / <i>Units used</i>	4
VI. Mục tiêu hiệu quả xây dựng / <i>The goal of building</i>	4
VII. Quy mô / <i>Scale</i>	4
VIII. Nguồn kinh phí xây dựng / <i>Funding sources for construction</i>	5
IX. Thời gian xây dựng / <i>Time for building</i>	5
X. Yêu cầu về an toàn phòng cháy chữa cháy / <i>Fire safety</i>	5
XI. Tổng mức đầu tư / <i>Total investment</i>	5
XII. Kết luận / <i>Conclude</i>	6
XIII. Phụ lục / <i>Appendix</i>	6

THUYẾT MINH / NOTES
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT/ TECHNOLOGY ECONOMIC
REPORT

I. TÊN CÔNG TRÌNH / NAME CATEGORY

Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL

Наименование объекта: “Замена перекрытий кабельных лотков”

II. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / BUILDING ADDRESS

XNXL - Vietsovpetro, Số 67 đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh /
ПСОРОНГД - Vietsovpetro, No. 67 30/4 Street Rach Dura Ward, Ho Chi Minh City

III. CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ / LEGAL BASIS

1. Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng ngày 17/06/2020
Construction Law No. 50/2014 / QH13 dated 18/06/2014; Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Construction dated June 17, 2020
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 62/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
Law amending and supplementing a number of articles of the Laws related to basic construction investment No. 62/2020/QH14, dated June 17, 2020;
3. Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
Decree No. 175/2024/ND-CP of the Government: Detailing a number of articles and measures to implement the Construction Law on construction management.
4. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Decree No. 06/2021/ND-CP dated 26/01/2021 of the Government on the management and maintenance of the quality of buildings;
5. Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Decree 10/2021 / ND-CP dated 09/02/2021 of the Government on management of investment cost construction
6. Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Circular 11/2021 / TT-BXD dated 31/08/2021 of the Ministry of Construction guiding the establishment and management of investment and construction costs of the project;
7. Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Circular No. 14/2023/TT-BXD dated December 29, 2023 of the Ministry of Construction on Amending and supplementing a number of articles of Circular No. 11/2021/TT-BXD dated August 31, 2021 of the Minister of Construction guiding a number of contents on determining and managing construction investment costs;
8. Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình

Circular 13/2021 / TT-BXD dated 31/08/2021 of the Ministry of Construction on guiding the method of determining the economic and technical criteria and measuring the work volume

9. Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021
Circular 01/2025/TT-BXD dated January 22, 2025 of the Ministry of Construction on Amending and supplementing a number of articles of Circular No. 13/2021/TT-BXD dated August 31, 2021;
10. Định mức xây dựng công bố kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng;
Construction norms issued together with Circulars No. 12/2021 /TT- BXD dated 31/08/2021 of the Ministry of Construction
11. Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
Circular No. 09/2024/TT-BXD dated August 30, 2024 of the Ministry of Construction amending and supplementing a number of construction norms issued in Circular No. 12/2021/TT-BXD dated August 31, 2021 of the Ministry of Construction;
12. Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;
Construction standards anthology of Vietnam;
+TCVN 5574:2018 – Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
TCVN 5574:2018 – Design of concrete and reinforced concrete structures;
+ QCVN 16/2023/ BXD – QCKT: Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
QCVN 16/2023/BXD – National Technical Regulation on Construction Products and Building Materials.
13. Danh mục các công trình bờ xây dựng, sửa chữa và cải hoán nhỏ năm 2025-2026 mục G.II phụ lục 10,10.1,11 của Hội đồng LVII LDVN Vietsovpetro đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 18/12/2024 (Mục B.10.1).
The list of minor construction, repair, and renovation works for 2025–2026 under Section G.II of Annexes 10, 10.1, and 11 of the LVII Council of Labor of Vietsovpetro has been approved by the General Director of Vietsovpetro on December 18, 2024 (Section B.10.1)
14. Hợp đồng số: 0513/25/T-N3/PXD1-ACTECH.ACIA, ngày 07/05/2025 v/v “Tư vấn lập BCKTKT cho các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa, cải tạo trên bờ năm 2025-2026 của Vietsovpetro” – DV-0133/25-PXD1-NTK”.
Contract No.: No.0513/25/T-N3/PXD1-ACTECH.ACIA, dated May 7, 2025, regarding 'Consulting services for preparing the technical-economic report (BCKTKT) for minor onshore construction, repair, and renovation works of Vietsovpetro for 2025–2026' – DV-0133/25-PXD1-NTK..
15. Biên bản khảo sát hiện trạng số: 643/CV/XDCB công trình “Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL L” được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt ngày 29/07 /2025.
Survey on the status quo no: 643/CV/XDCB Наименование объекта “Замена перекрытий кабельных лотков” Approved by Head of Department OKC - Vietsovpetro Joint Venture dated 29 /07 /2025.

IV. CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

- Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro.
Vietnam - Russia Vietsovpetro
- Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Address: 105 Le Loi street, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại: 0254.3838971/3418

V. ĐƠN VỊ QUẢN LÝ / UNITS USED

TTCNTT & LL - Vietsovpetro / *LIITuC* - Vietsovpetro.

VI. MỤC TIÊU VÀ HIỆU QUẢ XÂY DỰNG / THE GOAL OF BUILDING

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đặc biệt là các hố ga phục vụ cho cáp thông tin, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, quản lý và vận hành ổn định hệ thống truyền dẫn dữ liệu của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Liên lạc Vietsovpetro (TTCNTT&LL). Qua thời gian sử dụng dài, một số nắp hố ga kỹ thuật tại cơ sở thuộc XNXL đã bị xuống cấp, nứt vỡ, cong vênh hoặc lún lệch gây mất an toàn cho người và phương tiện, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ xâm nhập nước mưa, rác thải vào hệ thống cáp, ảnh hưởng đến chất lượng tín hiệu và độ bền của thiết bị.

The underground technical infrastructure system, especially the manholes serving the information cable network, plays a crucial role in protecting, managing, and ensuring the stable operation of the data transmission system at the Vietsovpetro Information and Communication Technology Center (TTCNTT&LL). Over extended periods of use, several technical manhole covers at the facilities under the Maintenance Division have deteriorated cracked, deformed, or subsided posing safety risks to personnel and vehicles. Additionally, they present the potential risk of rainwater and debris intrusion into the cable system, which can adversely affect signal quality and the durability of equipment.

Việc sửa chữa, thay thế các nắp hố ga hư hỏng là cần thiết và cấp bách nhằm: Đảm bảo an toàn giao thông nội bộ. Ngăn ngừa hư hại cho hệ thống cáp thông tin bên dưới do tác động môi trường; Duy trì tính ổn định và liên tục trong hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin; Đáp ứng yêu cầu về quản lý hạ tầng kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành an toàn.

Repairing and replacing damaged manhole covers is both necessary and urgent in order to: Ensure internal traffic safety; Prevent environmental damage to the underlying information cable system; Maintain stability and continuity in ICT system operations; Meet infrastructure management requirements and comply with safety operation standards.

VII. QUY MÔ CÔNG TRÌNH/ SCALE

- Thay thế toàn bộ các tấm đan nắp hố ga bị hư hỏng có kích thước 1.2 x 0.5m, dày 8cm bằng tấm đan mới làm bằng bê tông cốt thép, có viền thép hình V 80x8mm nhằm tăng khả năng chịu lực và đảm bảo độ bền sử dụng lâu dài;

Replace all damaged manhole cover panels measuring 1.2 x 0.5m, 8cm thick with new panels made of reinforced concrete, with 80x8mm V-shaped steel edges to increase load-bearing capacity and ensure long-term durability;

- Sửa chữa các thành miệng hố ga kỹ thuật bị nứt vỡ bằng cách đổ lại bằng bê tông cốt thép để khôi phục hình dạng, kết cấu và khả năng chịu lực ban đầu.

Repair cracked or broken technical manhole rims by recasting them with reinforced concrete to restore their original shape, structural integrity, and load-bearing capacity.

- Khối lượng sửa chữa thay thế:

Volume of repair and replacement:

Số TT	Loại hồ ga	Số lượng	Số tấm đan KT (1,2x0,5x0,08) m	Ghi chú
1	Hồ ga KT 2.2x1.4m	01	04	Khu vực ngoài cổng vào
2	Hồ ga KT 1.4x1.2m	08	16	KV xung quanh nhà VP 10 tầng, 3 tầng
3	Hồ ga KT 1.4x0.7m	01	01	KV bãi SX gần nhà xưởng số 32
	Tổng cộng:	10	21	

VIII. NGUỒN KINH PHÍ XÂY DỰNG / FUNDING SOURCES FOR CONSTRUCTION

- Nguồn vốn để thực hiện: Danh mục các công trình bờ xây dựng, sửa chữa và cải hoán nhỏ năm 2025-2026. G.II phụ lục 10,10.1,11. Mục G.II phụ lục 11 kèm theo biên bản kỳ họp LVII Hội đồng Vietsovpetro.
- *Перечень береговых объектов мелкого строительства, ремонта и реконструкции на 2025-2026: G.II приложения 11 к протоколу заседания LVII Совета СП Вьетсовпетро.*

IX. THỜI GIAN XÂY DỰNG / TIME FOR BUILDING

Quý IV/ 2025/ *Quarter IV/ 2025.*

X. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY / FIRE SAFETY

- Luật phòng cháy và chữa cháy số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
Fire prevention and fighting Law No. 55/2024 / QH15 dated 29/11/2024;
- Nghị định 105/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật PCCC, ngày 15 tháng 5 năm 2025;
Decree 105/2025/ND-CP guiding the Law on fire prevention and fighting, dated 15/05, 2025;
- Thông tư 36/2025/TT-BCA hướng dẫn thi hành Luật PCCC, ngày 15 tháng 05 năm 2025.
Document No 36/20205/TT-BCA guiding the implementation of the Law on fire pPrevention and fighting, dated 15/05/2025.

XI. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ / TOTAL INVESTMENT:

Trong đó/ note:

- Chi phí xây dựng sau thuế :
Construction costs after tax
- Chi phí lập BCKTKT :
Consultancy costs.

XII. KẾT LUẬN / CONCLUDE

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Actech hoàn thành việc Khảo sát và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: “Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL”,

theo đúng Biên bản khảo sát, phù hợp với thực tế hiện trạng, đáp ứng các mục tiêu đề ra.
Kính trình Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro xem xét phê duyệt.

The company Actech completed the survey and Technology economic report to “Замена перекрытий кабельных лотков”, according to the approved survey, the current scale, engineering geology, meet the objective set. Respectfully submitted to the General Director of Vietnam - Russia Joint Venture Vietsovpetro for consideration and approval.

XIII. PHỤ LỤC / APPENDIX

- Dự toán công trình; / Cost project
- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công. / *Drawing design*

PHÊ DUYỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC XDCB

BIÊN BẢN KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG
Акт обследования технического состояния

Tên công trình: “Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL”
Наименование объекта: “Замена перекрытий кабельных лотков”

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ / LEGAL BASIS

- Mục B.10.1 -Danh mục các công trình bờ xây dựng, sửa chữa và cải hoán nhỏ năm 2025-2026 (mục G.II phụ lục 10,10.1,11 của Hội đồng LVII LDVN Vietsovpetro) đã được Tổng Giám đốc Vietsovpetro phê duyệt ngày 18/12/2024 ;

The list of minor construction, repair, and renovation works for 2025–2026 under Section G.II of Annexes 10, 10.1, and 11 of the LVII Council of Labor of Vietsovpetro has been approved by the General Director of Vietsovpetro on December 18, 2024 (Section B.10.1).

- Hợp đồng số: 0513/25/T-N3/PXD1-ACTECH.ACIA, ngày 07/05/2025 v/v “Tư vấn lập BCKTKT cho các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa, cải tạo trên bờ năm 2025-2026 của Vietsovpetro” – DV-0133/25-PXD1-NTK”.

Contract No.: 0513/25/T-N3/PXD1-ACTECH.ACIA, dated May 7, 2025, regarding 'Consulting services for preparing the technical-economic report (BCKTKT) for minor onshore construction, repair, and renovation works of Vietsovpetro for 2025–2026' – DV-0133/25-PXD1-NTK.

B. THỜI GIAN-THÀNH PHẦN KHẢO SÁT / TIMES - SURVEY COMPONENT

- Thời gian / survey time: 18/07/2025.

- Thành phần / Survey component

- **Đại diện Vietsovpetro /Represent Vietsovpetro**

- **Người thực hiện của Phòng XDCB:**

+ Ông Tô Đình Tuệ	Chuyên viên CC Phòng XDCB
+ Bà Lê Thị Thanh Tâm	KS Phòng XDCB
+ Mr. Filatov C.A	CV Phòng XDCB

- **Người thực hiện của Đơn vị sử dụng: XN ĐVL – VSP**

+ Ông Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên CNTT&LL
+ Ông Đào Xuân Tùng	Trưởng Ban KTM CNTT&LL
+ Ông Lại Văn Dân	NV KT CNTT&LL

Đại diện đơn vị thiết kế /Representative design unit:

+ Ông Hoàng Quốc Nam	KS - Cty Actech
+ Ông Huỳnh Chí Giang	KS - Cty Actech



C. HIỆN TRẠNG / *STATUS QUO*:

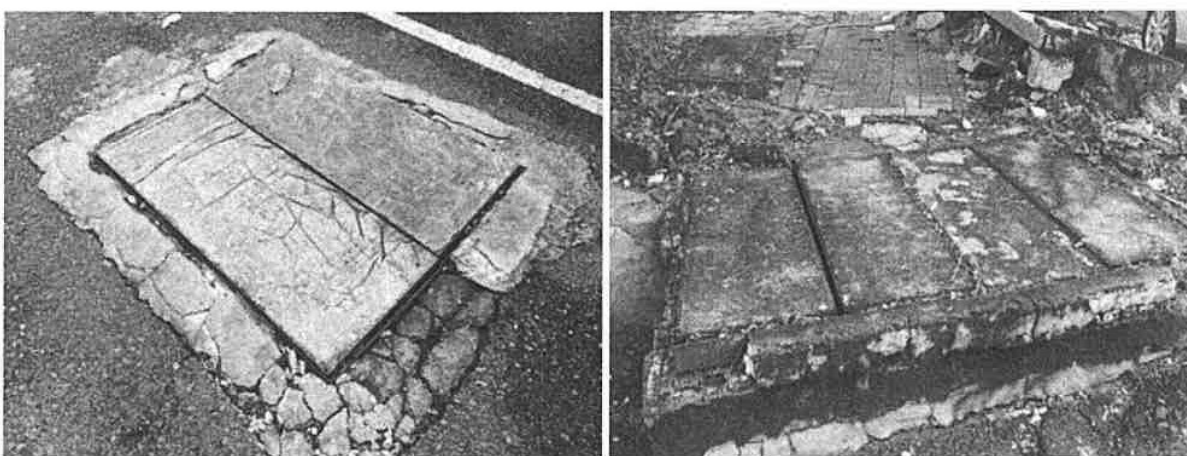
Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đặc biệt là các hố ga phục vụ cho cáp thông tin, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, quản lý và vận hành ổn định hệ thống truyền dẫn dữ liệu của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Liên lạc Vietsovpetro (TTCNTT&LL). Qua thời gian sử dụng dài, một số nắp hố ga kỹ thuật tại cơ sở thuộc XNXL đã bị xuống cấp, nứt vỡ, cong vênh hoặc lún lệch gây mất an toàn cho người và phương tiện, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ xâm nhập nước mưa, rác thải vào hệ thống cáp, ảnh hưởng đến chất lượng tín hiệu và độ bền của thiết bị.

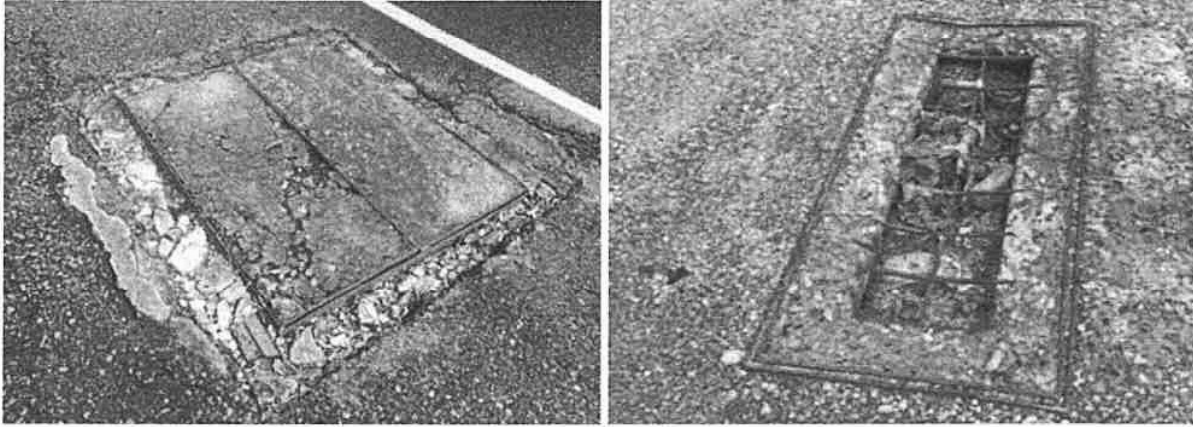
The underground technical infrastructure system, especially the manholes serving the information cable network, plays a crucial role in protecting, managing, and ensuring the stable operation of the data transmission system at the Vietsovpetro Information and Communication Technology Center (TTCNTT&LL). Over extended periods of use, several technical manhole covers at the facilities under the Maintenance Division have deteriorated cracked, deformed, or subsided posing safety risks to personnel and vehicles. Additionally, they present the potential risk of rainwater and debris intrusion into the cable system, which can adversely affect signal quality and the durability of equipment.

Việc sửa chữa, thay thế các nắp hố ga hư hỏng là cần thiết và cấp bách nhằm: Đảm bảo an toàn giao thông nội bộ. Ngăn ngừa hư hại cho hệ thống cáp thông tin bên dưới do tác động môi trường; Duy trì tính ổn định và liên tục trong hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin; Đáp ứng yêu cầu về quản lý hạ tầng kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành an toàn.

Repairing and replacing damaged manhole covers is both necessary and urgent in order to: Ensure internal traffic safety; Prevent environmental damage to the underlying information cable system; Maintain stability and continuity in ICT system operations; Meet infrastructure management requirements and comply with safety operation standards.

HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG *CURRENT PHOTOS*





D. PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA / *REPAIR PLAN*

- Thay thế toàn bộ các tấm đan nắp hố ga bị hư hỏng có kích thước 1.2 x 0.5m, dày 8cm bằng tấm đan mới làm bằng bê tông cốt thép, có viền thép hình V nhằm tăng khả năng chịu lực và đảm bảo độ bền sử dụng lâu dài;

Replace all damaged manhole cover panels measuring 1.2 x 0.5m, 8cm thick with new panels made of reinforced concrete, with V-shaped steel edges to increase load-bearing capacity and ensure long-term durability;

- Sửa chữa các thành miệng hố ga kỹ thuật bị nứt vỡ bằng cách đổ lại bằng bê tông cốt thép để khôi phục hình dạng, kết cấu và khả năng chịu lực ban đầu.

Repair cracked or broken technical manhole rims by recasting them with reinforced concrete to restore their original shape, structural integrity, and load-bearing capacity.

- Khối lượng sửa chữa thay thế:

Volume of repair and replacement:

Số TT	Loại hố ga	Số lượng	Số tấm đan kt (1,2x0,5x0,08)m	Ghi chú
1	Hố ga kt 2.2x1.4m	01	04	Khu vực ngoài cổng vào
2	Hố ga kt 1.4x1.2m	09	18	KV xung quanh nhà VP 10 tầng, 3tầng
3	Hố ga kt 1.4x0.7m	01	01	KV bãi SX gần nhà xưởng số 32
	Tổng cộng:	11	23	

E. KẾT LUẬN / *CONCLUDE:*

Biên bản này sau khi được Lãnh đạo Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro phê duyệt sẽ là cơ sở để Công ty CP Tư vấn kiến trúc XD Actech lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật cho hạng mục công trình “*Thay thế các tấm hố cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL*”.



This report, after being approved by Vietsovpetro Vietnam-Russia Joint Venture, will serve as a basis for the construction and economic-technical report of Actech Construction Joint Stock Company for the project “Замена перекрытий кабельных лотков”.

Thỏa thuận/ Согласовано

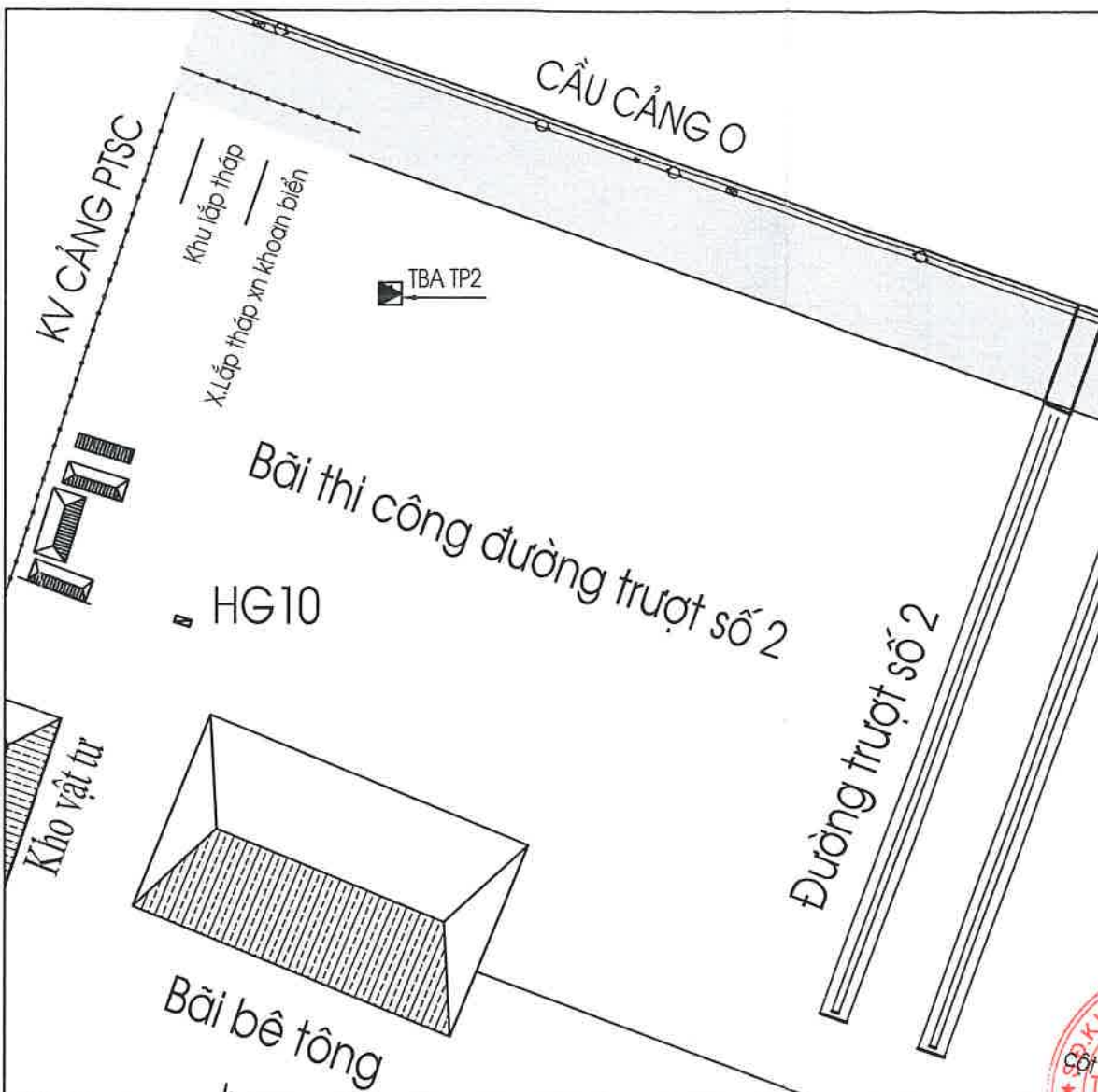
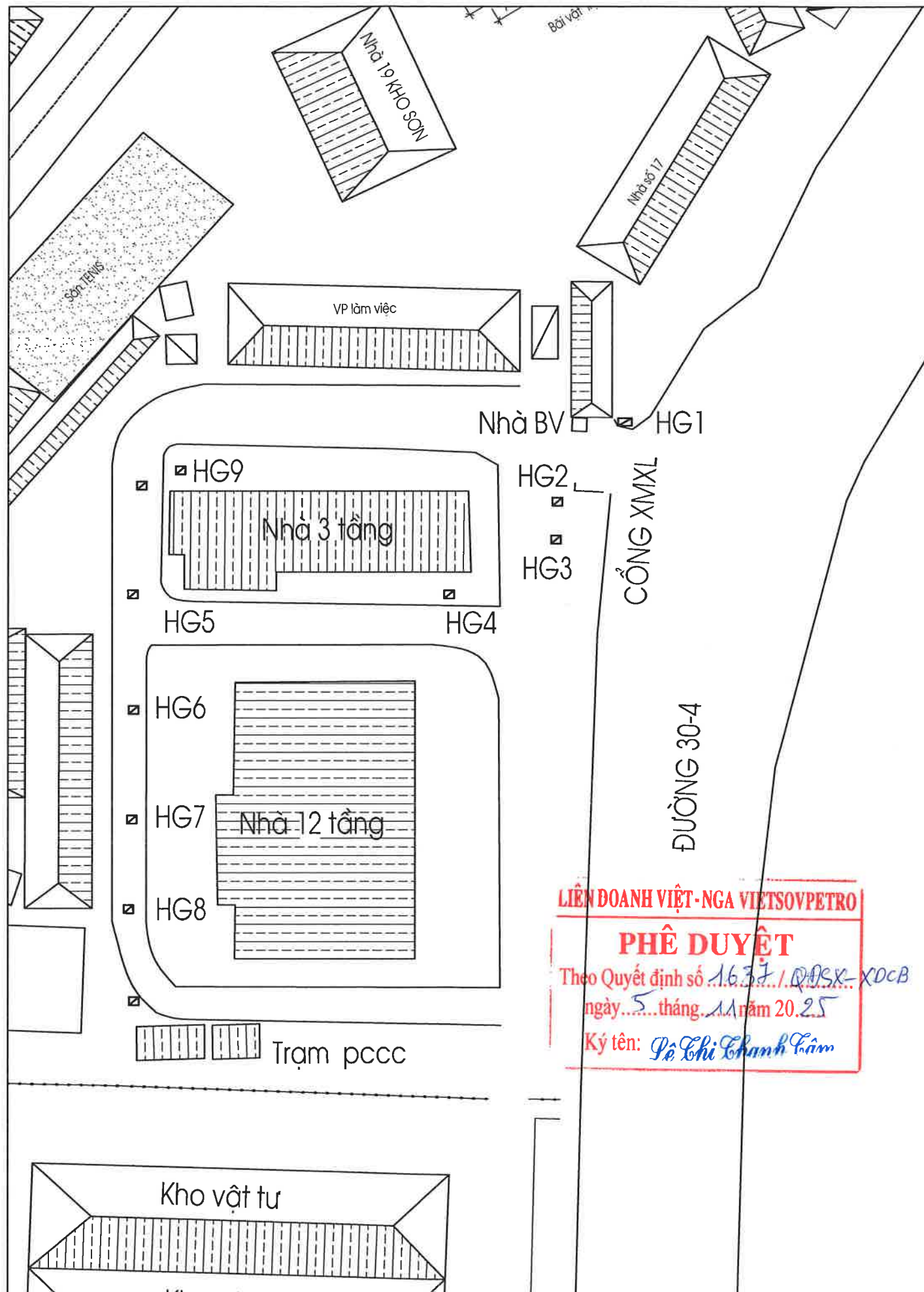
Chữ ký của các lãnh đạo đơn vị/ Подписи руководителей подразделений

Soạn thảo / Подготовлено

Chữ ký của các thành viên khảo sát / Подписи участников обследования

Nơi nhận: PXDCB (bản gốc); Bộ phận đề xuất xây dựng, Đơn vị thiết kế (bản copy). *Рассылка: ОКС (оригинал); Инициатор строительства/ Подразделение управления и эксплуатации объектом, Проектная организация (копии).*





GHI CHÚ SỬA CHỮA / REPAIR NOTES:

- THAY THẾ CÁC NẮP ĐẠN BTCT CHO CÁC HỐ GA KỸ THUẬT
REPLACE THE REINFORCED CONCRETE COVERS FOR THE TECHNICAL MANHOLES.
- + THÁO DỖ , SỬA CHỮA MỘT SỐ VỊ TRÍ THÀNH HỐ GA, THI CÔNG LẮP ĐẶT LẠI NẮP HỐ GA MỚI
DISMANTLE AND REPAIR THE FLOOR AT THE MANHOLE LOCATION, THEN INSTALL A NEW MANHOLE COVER
- + CẤU TẠO NẮP HG: BTCT MẮC 250, DÀY 80MM, LƯỚI THÉP FI 12A 120, VIÊN ỐP THÉP V80X8MM
MANHOLE COVER STRUCTURE: REINFORCED CONCRETE M250, 80MM THICK, REINFORCED WITH 12A120 BARS, STEEL EDGE V80X8MM

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG / SUMMARY OF QUANTITIES

STT	SỐ HIỆU KT HỐ GA	KÍCH THƯỚC TẤM ĐẠN	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
01	HG1: 2.2X1.4M	1200 X 500 X 80 MM	04	BTCT - THÉP VIÊN V50X5MM
02	HG2, GH3,...HG9: 1.4X1.2M	1200 X 500 X 80 MM	16	BTCT - THÉP VIÊN V50X5MM
03	HG10: 1.4X0.7M	1200 X 500 X 80 MM	01	BTCT - THÉP VIÊN V50X5MM
	TỔNG	1200 X 500 X 80 MM	21	BTCT - THÉP VIÊN V50X5MM

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 1637/QĐ-SX-XDCB

ngày 5 tháng 11 năm 2025

Ký tên: *Pô Lê Lê Thanh Tâm*

LƯU Ý:

CẦN KIỂM TRA KT
SAU KHI THÁO DỖ
GIA CÔNG LẮP ĐẶT
THEO KÍCH THƯỚC
THỰC TẾ

CLIENT



LIÊN DOANH VIỆT - NGA
VIETSOVPETRO

105 LÊ LỢI P6 PVT. TP HCM
ĐT: 0254- 3839871

PROJECT

THAY THẾ TẤM ĐẠN
HỐ GA KỸ THUẬT
TTCNTT & LL

ĐỊA ĐIỂM: XNXL - VSP

DESIGN



CTY CP TƯ VẤN KT XD
ACTECH

SỐ: 62-TỔNG QUANG PHIẾT
PHƯỜNG RẠCH DỪA, TP HCM
ĐT: 0254.6256167

PRO MANAGER

KTS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

DESIGNED

KTS. LÊ MINH

PRESIDED

KS. NGUYỄN ĐỖ MƯỜI

DRAW

KTS. HUỖNH CHÍ GIANG

DRAWING NAME

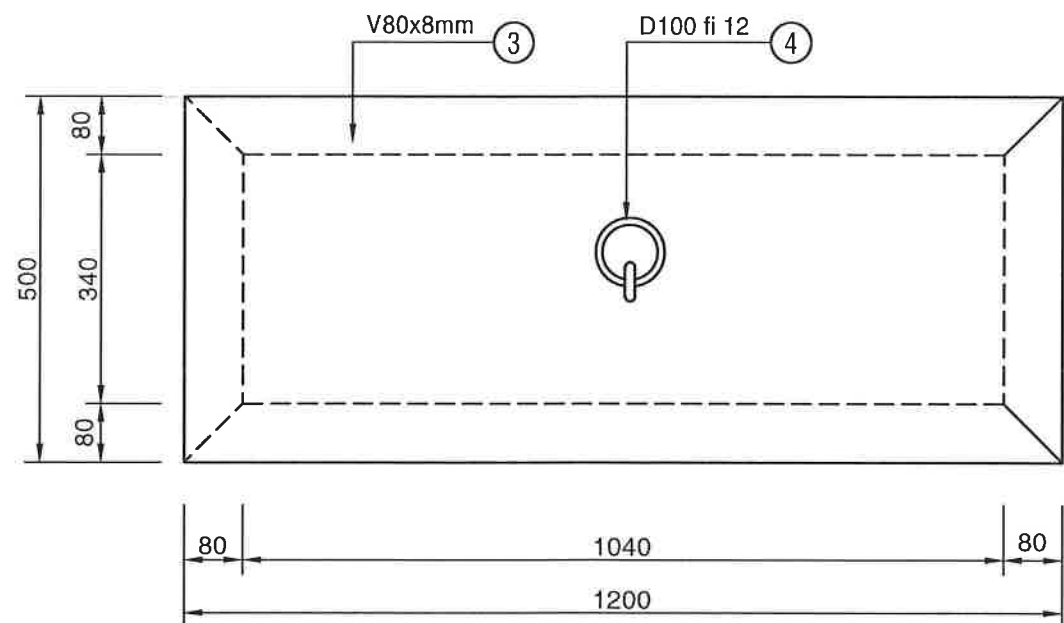
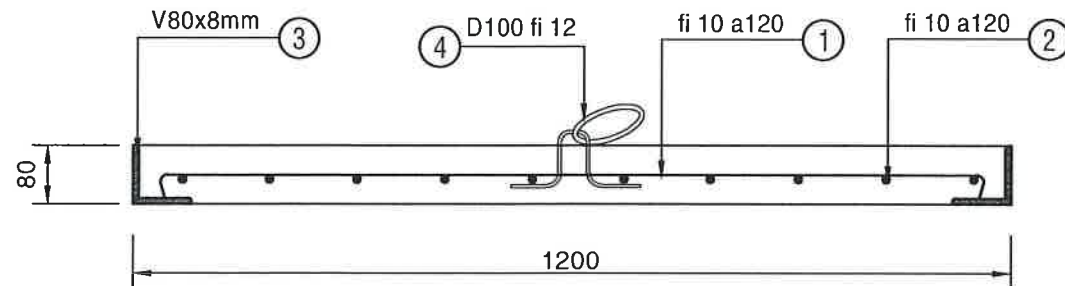
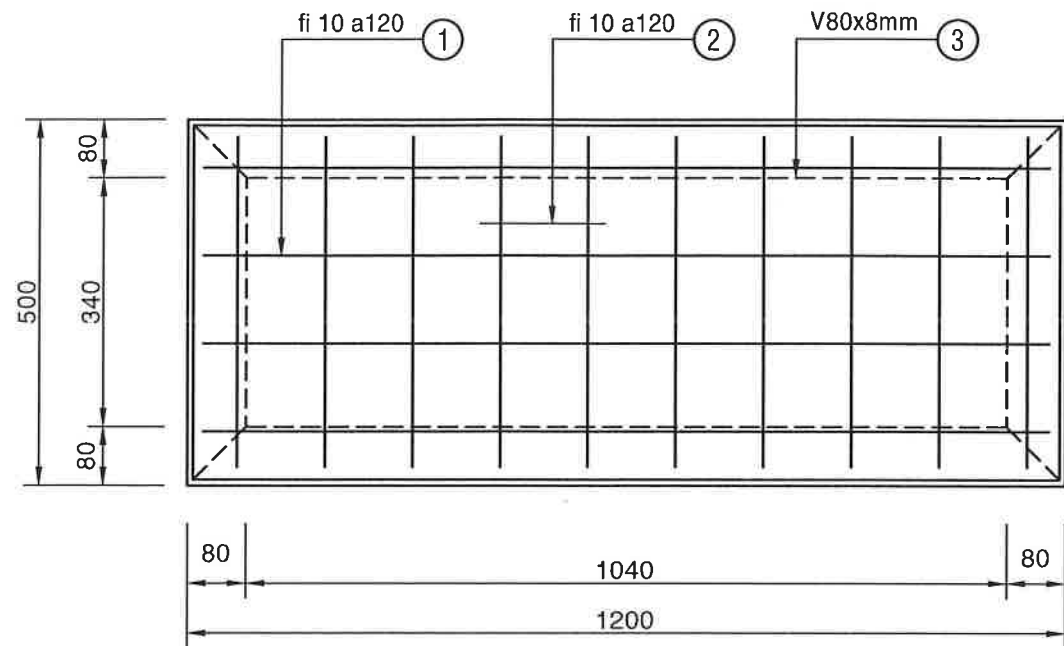
MẶT BẰNG VỊ TRÍ
HIỆN TRẠNG
CURRENT SITE PLAN

Date: 09_2025

Scale: 1_100; 1_200

Sheet No. 01 OF 04

Dwg.number: KT: 01



CHI TIẾT NẮP HỐ GA KỸ THUẬT
Technical Manhole Cover Detail

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DANH SÁCH SỐ lượng: 1	1	1150	12	1150	4	4	4.6	4.08
	2	450	12	450	10	10	4.5	4.00
	3	100 100	12	514	1	1	0.514	0.46
	4	V80x8 Thép góc		3400	1	1	3.4	32.81

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12$ = 8.54 kg; Chiều dài = 9.61 mét
- Trọng lượng Thép góc: V80x8mm = 32.81 kg; Chiều dài = 3.4 mét

GHI CHÚ NOTES:

- ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MM. BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250
Dimension unit in mm. Concrete with 1x2 aggregate, grade 250
- THÉP FI 8, 10, 12, 14 DÙNG LOẠI A 1. CƯỜNG ĐỘ $R_a = 2100\text{kg/cm}^2$
Reinforcement bars fi8, fi10, fi12, fi14, type A1, strength $R_a = 2100\text{kg/cm}^2$.
- LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP 30MM
Concrete cover for reinforcement: 30mm

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 1637/QĐ-SX-XDCB

ngày 5 tháng 11 năm 2025

Ký tên: Lê Thị Thanh Lâm

LƯU Ý:

CẦN KIỂM TRA KT
SAU KHI THÁO DỖ
GIA CÔNG LẮP ĐẶT
THEO KÍCH THƯỚC
THỰC TẾ

CLIENT



LIÊN DOANH VIỆT - NG
VIETSOVPETRO

105 LÊ LỢI P6 PVT. TP HCM
ĐT: 0254- 3839871

PROJECT

THAY THẾ TẮM ĐAN
HỐ GA KỸ THUẬT
TTCNTT & LL

ĐỊA ĐIỂM: XNXL - VSP

DESIGN



CTY CP TƯ VẤN KT XD
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
KỸ DUNG
A.C.T.E.C.H

Số 62 TỈNH QUANG PHIỆT
PHƯỜNG RẠCH DỪA, TP HCM
ĐT: 0254.6256167

PRO MANAGER

KTS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

DESIGNED

KTS. LÊ MINH

PRESIDED

KS. NGUYỄN ĐỖ MƯỜI

DRAW

KTS. HUỖNH CHÍ GIANG

DRAWING NAME

MẶT BẰNG VỊ TRÍ
HIỆN TRẠNG
CURRENT SITE PLAN

Date: 09_2025

Scale: 1_100; 1_200

Sheet No. 01 OF 04

Dwg.number: KT: 02

BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

(Phụ lục số 1 – phần xây dựng)

ТАБЛИЦА ОБЪЕМОВ РАБОТ

(Приложение 1 - Часть строительства)

Công trình: Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL

Объект: Замена перекрытий кабельных лотков

Stt П.п.	Danh mục công việc Перечень работ	Đơn vị Едз.	Khối lượng Объем
1	Phá dỡ các tấm đan hồ ga kỹ thuật	m3	1.01
2	Gia công thép viền tấm đan	tấn	0.69
3	Lắp dựng cốt thép $\Phi K \leq 18\text{mm}$	tấn	0.18
4	Bê tông tấm đan, sửa chữa miệng hố, M250, đá 1x2, PCB40	m3	1.02
5	Lắp dựng cầu kiện tấm đan	cái	21.00
6	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1.01



BẢNG DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ CHÍNH
(Phụ lục số 2 – Phần xây dựng)
ТАБЛИЦА ПЕРЕЧНЯ ОСНОВНЫХ МАТЕРИАЛОВ И
ОБОРУДОВАНИЯ
(Приложение 2 - Часть строительства)

Công trình: Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL
Объект: Замена перекрытий кабельных лотков

Stt П.П.	Tên vật tư, thiết bị chính Наименование основных материалов и оборудования	Xuất xứ, chủng loại, Tiêu chuẩn áp dụng của vật tư, thiết bị/Hoặc tương đương Происхождение, тип, применяемые стандарты материалов, оборудования/или эквивалента
1	Cát xây tô	Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.
2	Đá 1x2	Cty CP Phước Hòa: TCVN 7572: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành
3	Xi măng	Chinfon HP: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.
4	Sắt thép	Vinakyoei Việt Nhật, TCVN 1651-2:2018 / Thép Nghi Sơn, thép Miền Nam

Ghi chú:

Примечание:

- Các chủng loại vật tư vật liệu chính phải phù hợp với (QCVN: 16/2023/ BXD - QCKT Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, và các TCVN hiện hành).
Основные виды материалов должны соответствовать (QCVN: 16/2023/BXD - Национальный технический регламент о строительных материалах и изделиях и действующие TCVN (стандарты СРВ).
- Vật tư, thiết bị “Tương đương” là sản phẩm có chất lượng kỹ thuật tương đương, hoặc tốt hơn sản phẩm được nêu trên. Đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, xuất xứ. Phải có Quy cách, Tiêu chuẩn phù hợp với các QC, TCVN hiện hành.
«Эквивалентные» материалы и оборудование — это продукты с техническим качеством, эквивалентным или превосходящим перечисленные выше продукты. Соответствовать требованиям по качеству и происхождению. Должны иметь спецификации и стандарты в соответствии с действующими QC и TCVN (нормы и стандарты СРВ).



TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ MẶT KỸ THUẬT HỒ SƠ DỰ THẦU
Критерии оценки

Gói thầu: Thay thế các tấm hồ cáp kỹ thuật – TTCNTT&LL

Пакет: Замена перекрытий кабельных лотков - ЦИТuС

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa				Điểm tối thiểu
		Level 1	Level 2	Level 3	Level 4	
		điểm	%	%	%	
1	Giải pháp kỹ thuật	20				14
1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, khối lượng công việc		30			
1.1.1	Chào đầy đủ khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Có danh mục vật tư, thiết bị (bao gồm các vật tư, thiết bị liệt kê trong HSMT, trong bảng vật tư chính), vật tư, thiết bị kê khai đầy đủ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, nước sản xuất, ký mã hiệu, các thông số kỹ thuật phù hợp với HSMT. Có tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị hợp lý. Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu có cam kết theo yêu cầu của HSMT.			100		
1.1.2	Chào đầy đủ khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Có danh mục vật tư, thiết bị. Vật tư, thiết bị kê khai đầy đủ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất. Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu có cam kết theo yêu cầu của HSMT. Không chứng minh các thông số kỹ thuật phù hợp với HSMT.			70		
1.1.3	Chào thiếu hoặc chào sai khối lượng công việc thực hiện theo HSMT. Không có danh mục vật tư, thiết bị hoặc danh mục không đầy đủ, không có tiến độ cung cấp, không ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, ký mã hiệu của vật tư, thiết bị. Không có cam kết theo yêu cầu của HSMT đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu.			0		
1.2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính		30			
1.2.1	Công tác chuẩn bị khởi công.			30		

	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý cho công tác chuẩn bị khởi công.				100	
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho công tác chuẩn bị khởi công nhưng chưa đầy đủ, hợp lý.				70	
	Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho công tác chuẩn bị khởi công.				0	
1.2.2	Công tác thi công			70		
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý cho tất cả các công tác thi công.				100	
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho các công tác thi công chính nhưng chưa đầy đủ, hợp lý.				70	
	Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho các công tác thi công chính.				0	
1.3	Tổ chức mặt bằng công trường:		20			
1.3.1	Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công.			60		
	Có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công đầy đủ, chi tiết.				100	
	Không có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công.				0	
1.3.2	Bố trí rào chắn, biển báo...;			10		
	Có bố trí rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo... đầy đủ, chi tiết.				100	
	Có rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo... nhưng chưa đầy đủ, chi tiết.				70	
	Không bố trí rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo...				0	
1.3.3	Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.			30		
	Có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công đầy đủ, chi tiết.				100	
	Có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công nhưng chưa đầy đủ, chi tiết.				70	
	Không có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.				0	
1.4	Hệ thống tổ chức: Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn..., các tổ đội thi công.		20			

1.4.1	Có sơ đồ tổ chức hiện trường, có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch kỹ thuật và các thông tin đáp ứng các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, có danh sách công nhân phục vụ thi công công trình (cán bộ chủ chốt, công nhân phục vụ thi công công trình đáp ứng yêu cầu trong HSMT), có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công. Có thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường, trong đó nêu rõ: chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức.			100		
1.4.2	Có sơ đồ tổ chức hiện trường, có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch và danh sách công nhân phục vụ thi công công trình (cán bộ chủ chốt, công nhân phục vụ thi công công trình đáp ứng yêu cầu trong HSMT) nhưng không đầy đủ, có biểu đồ nhân lực chưa phù hợp với tiến độ thi công.			70		
1.4.3	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường, không có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch và danh sách công nhân kỹ thuật, lao động chuyên môn huy động cho công trình hoặc cán bộ chủ chốt, công nhân kỹ thuật, lao động chuyên môn không đáp ứng yêu cầu trong HSMT, không có biểu đồ nhân lực.			0		
2	Biện pháp tổ chức thi công	30				24
2.1	Có mô tả đầy đủ các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng (trình tự; thành phần; tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu) cho tất cả các công tác trong phạm vi công việc trong hồ sơ mời thầu; Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho từng biện pháp; Các biện pháp và thuyết minh hợp lý. Có các bản vẽ thể hiện biện pháp tổ chức thi công.		100			
2.2	Có mô tả đầy đủ biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu cho tất cả các công tác trong hồ sơ mời thầu nhưng một số điểm chưa hợp lý hoặc thiếu mô tả các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu và thuyết minh giải pháp kỹ thuật của các công tác thi công phụ.		70			
2.3	Không có mô tả hoặc mô tả thiếu biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng của các công tác thi công chính, mô tả biện pháp thi công của các công tác không có trong hồ sơ mời thầu.		0			
3	Tiến độ thi công	15				12
3.1	Tổng tiến độ thi công:		70			
3.1.1	Thời gian hoàn thành công trình;			80		
	Có Bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm các công tác thi công chính. Đề xuất thời gian thi công hợp lý, theo đúng yêu cầu của HSMT				100	

	Thời gian thi công không hợp lý hoặc vượt quá thời gian qui định trong HSMT				0	
3.1.2	Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công			20		
	Hợp lý và khả thi.				100	
	Không hợp lý và không khả thi.				0	
3.2	Biểu đồ huy động		20			
3.2.1	Biểu đồ huy động nhân lực			30		
	Có biểu đồ huy động nhân lực hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động nhân lực hoặc có biểu đồ nhưng không hợp lý, khả thi.				0	
3.2.2	Biểu đồ huy động vật liệu			40		
	Có biểu đồ huy động vật liệu hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động vật liệu hoặc có biểu đồ nhưng không hợp lý, khả thi.				0	
3.2.3	Biểu đồ huy động thiết bị			30		
	Có biểu đồ huy động thiết bị thi công hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động thiết bị thi công hoặc có biểu đồ nhưng không hợp lý, khả thi.				0	
3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện		10			
	Có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện.			100		
	Không có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện.			0		
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng	10				7
4.1	Sơ đồ quản lý chất lượng		10			
	Có Sơ đồ quản lý chất lượng hợp lý, khả thi.			100		
	Không có Sơ đồ quản lý chất lượng.			0		
4.2	Quản lý chất lượng vật tư		30			
4.2.1	Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu			40		
	Có bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu.				100	
	Không có bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu.				0	
4.2.2	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị			50		
	Có Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.				100	
	Không có Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.				0	
4.2.3	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu			10		
	Có giải pháp xử lý.				100	
	Không có giải pháp xử lý.				0	

4.3	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công		40			
	Có đầy đủ biện pháp, quy trình quản lý chất lượng (trình tự, thành phần, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu) cho từng công tác thi công.			100		
	Có nhưng chưa đầy đủ biện pháp, quy trình quản lý chất lượng (trình tự, thành phần, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu) cho từng công tác thi công.			70		
	Không có biện pháp, quy trình quản lý chất lượng cho từng công tác thi công.			0		
4.4	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão		10			
	Có Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.			100		
	Không có Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.			0		
4.5	Sửa chữa hư hỏng		10			
	Có biện pháp, quy trình sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công.			100		
	Không có biện pháp, quy trình sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công.			0		
5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	15				11
5.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường:	4				
5.1.1	Tiếng ồn;		20			
5.1.2	Bụi và khói;		20			
5.1.3	Rung;		20			
5.1.4	Kiểm soát nước thải;		20			
5.1.5	Kiểm soát rác thải, vệ sinh;		20			
5.2	Phòng cháy, chữa cháy:	4				
5.2.1	Quy định, quy phạm tiêu chuẩn;		30			
5.2.2	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ;		40			
5.2.3	Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.		30			
5.3	An toàn lao động:	7				
5.3.1	Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;		20			
5.3.2	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công;		50			
5.3.3	An toàn giao thông ra vào công trường;		10			
5.3.4	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị;		10			
5.3.5	Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.		10			
6	Bảo hành và bảo trì	3				3

6.1	Có cam kết bảo hành hạng mục công trình không dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.		100			
6.2	Không có cam kết bảo hành hạng mục công trình hoặc thời hạn bảo hành dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.		0			
7	Uy tín của nhà thầu	7				4
7.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu.		40			
7.1.1	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 2 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng nhà thầu đã thực hiện đạt hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện.			100		
7.1.2	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 2 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Có ít nhất 01 hợp đồng nhà thầu đã thực hiện không đạt yêu cầu về chất lượng, hoặc không đạt yêu cầu về tiến độ thực hiện.			70		
7.1.3	Nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 2 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu.			0		
7.2	Lịch sử thực hiện hợp đồng:		30			
7.2.1	Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu;			100		
7.2.2	Có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu nhưng có hợp đồng tương tự vượt tiến độ hoặc có hợp đồng đạt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng;			70		
7.2.3	Có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu và không có hợp đồng tương tự vượt tiến độ hoặc đạt giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.			0		
7.3	Tình trạng pháp lý bị kiện tụng:		30			
7.3.1	Không có tranh chấp pháp lý với Vietsovpetro trước đây;			100		
7.3.2	Có tranh chấp pháp lý với Vietsovpetro trước đây.			0		
	TỔNG CỘNG	100				75

Các Hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu kỹ thuật khi đạt 3 điều kiện:

- + Có tổng số điểm từ 75 điểm trở lên;
- + Không có mục nào có điểm thấp hơn điểm tối thiểu tương ứng quy định cho mục đó.
- + Điểm của mục 3.1.1 và 7.2 lớn hơn 0 điểm.